

QUAN NIỆM NHÂN SINH TRONG *HỒNG LÂU MỘNG*

ĐINH PHAN CẨM VÂN*

TÓM TẮT

Hồng lâu mộng là cuộc kiếm tìm câu trả lời về ý nghĩa cuộc đời của Tào Tuyết Cần. Triết học trở thành điểm tựa để tác giả lý giải nhiều vấn đề. Tuy nhiên, sự tiếp nhận triết học của Tào Tuyết Cần luôn được “phản tỉnh” từ những quan sát và trải nghiệm bản thân.

Từ khóa: quan niệm nhân sinh, triết học, *Hồng lâu mộng*.

ABSTRACT

Outlook on life In Dream of the Red Chamber

Dream of the Red Chamber is the search for the meaning of life of Cao Xueqin. Philosophy is a means the author used to explain many issues. However, her philosophy reception was always reflected by her observation and experience.

Keywords: outlook on life, Philosophy, *Dream of the Red Chamber*.

“*Hồng lâu mộng* là tiểu thuyết cổ điển vĩ đại nhất của Trung Hoa. Nó đã được học giả cả ở Trung Quốc lẫn nước ngoài nghiên cứu và tái nghiên cứu suốt hai thế kỉ” [2, tr.84]. Tiếp cận từ phương diện nào, tác phẩm cũng mở ra những chân trời ý nghĩa mới lạ. Nếu như quan niệm nhân sinh của nhà triết học thường được phát biểu dưới hình thức luận đề thì ở các nhà văn lại được biểu hiện thông qua thể giới nghệ thuật vô cùng phong phú. Tiếng nói chung, riêng; cá nhân, cộng đồng; một thời hay muôn đời đều ít nhiều gặp gỡ trên những trang viết của Tào Tuyết Cần. Có được điều đó phần nhiều nhờ vào những khái quát, chiêm nghiệm cuộc sống mang tầm triết học của tác giả.

Hệ tư tưởng Trung Hoa rất đa dạng, giàu bản sắc. Ở đây chúng tôi chỉ đề cập tới hai phương diện khá phổ biến trong quan niệm nhân sinh xuất phát từ hai truyền thống tư tưởng bản địa của Trung

Quốc: Đạo giáo và Nho giáo, bao gồm quan niệm Nhân sinh như mộng và Thiên mệnh.

Nhân sinh như mộng

Quan niệm nhân sinh như mộng vốn có ảnh hưởng lâu dài trong tầng lớp trí thức phong kiến. Với Tào Tuyết Cần, ảnh hưởng đó không thể nói là mờ nhạt. Trong các bài thơ, từ, những đoạn trữ tình ngoại đề... rải rác suốt tác phẩm, Tào Tuyết Cần trở đi trở lại cảm xúc *nhân sinh đại nhược mộng*.

Muôn vật từ không mà ra rồi lại trở về không, đó là lẽ sinh thành mà tác giả tỏ ra rất thấm thía. Mượn lời hai vị sư, đạo, ông phát biểu: “Trong cõi hồng trần đành rằng có nhiều thú vị nhưng không phải là nơi nương náu lâu dài. Huống chi “Ngọc lành có vết, cuộc đời đa đoan”, tám chữ thường đi liền với nhau. Rồi trong chớp mắt, vui hết đến buồn, người thay cảnh đổi rút cục chỉ là giấc mộng, muôn cõi đều trở thành không”. Quan niệm nhân sinh như mộng đặc biệt sáng rõ khi nói về viên ngọc của Bảo Ngọc:

* TS, Trường Đại học Sư phạm TP HCM

“Vốn từ chỗ không ra, nên về chỗ không đó”. Ở Thái hư ảo cảnh cũng có đôi câu đối:

*Giả bảo là chân, chân cũng giả
Không làm ra có, có rồi không.*

Hiện thực trong *Hồng lâu mộng* cũng vận động theo chiều hướng từ *thịnh* đến *suy* từ *có* trở về *không*. Tào Tuyết Cần là người chứng kiến cảnh gia đình từ phần hoa phú quý đến suy tàn. Những cuộc biến cải nhân tiên khiến ông hoài nghi sự vững bền, bất biến là không có thực. *Hồng lâu mộng* (Giác mộng lâu son), tên tác phẩm đã bao hàm cái ảo của đời thực. Ở hồi một trăm mười lăm, về cái chết của Phụng Thư, tác giả viết: “Vương Hi Phụng trải qua cõi ảo trở lại Kim Lăng”. “Cõi ảo” chính là quầng đời thực ngắn ngủi của Phụng Thư nơi trần thế.

Hồng lâu mộng có hơn bốn trăm nhân vật, ở một số nhân vật tiêu biểu tác giả đã gán cho nó một xuất xứ khác thường. Bảo Ngọc và Kim Lăng thập nhị kim thoa đều xuất thân từ cõi hư không: Xích hà cung và Thái hư ảo cảnh. Hai cõi trời chỉ tồn tại trong mơ (Giác mơ của Chân Sĩ Ấn hồi 1 và hồi 120, giác mơ của Bảo Ngọc ở hồi 5 và 116). Với hai nhân vật trung tâm Giả Bảo Ngọc và Lâm Đại Ngọc, tác giả còn chỉ ra cụ thể hơn nguồn gốc hư ảo. Bảo Ngọc vốn là hòn đá, Đại Ngọc vốn là cây cỏ tiên. Nhưng dù là *cây* hay *đá* thì tiền kiếp của Bảo Ngọc và Đại Ngọc đều nằm ở thế giới hư không. Thái hư ảo cảnh hay Xích hà cung là những không gian cụ thể nhưng đầy tính huyền tưởng. Nơi đó là cõi trời Li hận (Cõi đời đáng oán giận vì phải chia lìa nhau), đôi

thì ăn quả Mật thanh (quả chứa những tình riêng bí mật), khát thì uống nước bể Quán sầu (nước để tưới sự buồn)...

Triết lí nhân sinh như mộng còn nằm ở những đoạn trữ tình ngoại đề và trong sự cảm nhận ngày một rõ ràng hơn ở nhân vật Bảo Ngọc. Hồi 22 (Bảo Ngọc khoảng 14 tuổi), đã mơ hồ hiểu “Không có gì chúng mới là chỗ đứng”. Nghe câu hát *Kí sinh thảo*, Bảo Ngọc tỏ ra tình ngộ:

*Hết duyên pháp, chớp mắt thành li biệt
Trần trụi trụi, đi về không vương vịn*

Tìm đâu tá, nón mưa áo khói một mình đi

Mặc kệ ta, giày rom, bát vỡ theo duyên đến.

Bảo Ngọc thường hay lo sợ đến thời điểm vật đổi, sao dời mà buồn chán: “Bảo Ngọc nghĩ ngay đến Đại Ngọc sắc đẹp như hoa, mặt tròn như trăng, sau này ắt cũng có lúc không thể tìm thấy nữa, lẽ nào chả đứt ruột, nát gan. Đại Ngọc đã có lúc không thể tìm thấy cứ thế suy ra những người như Bảo Thoa, Hương Lăng, Tập Nhân cũng đều thế cả. Bọn Bảo Thoa đã vậy thì thân mình ở đâu; thân mình còn chả biết ở đâu thì nơi này, vườn này, hoa này, liễu này biết thuộc về ai”. Nhân vật thường hay băn khoăn lúc chết thì thân xác “Hóa thành tro bụi, gặp cơn gió to bay tan đi hết” thì ý nghĩa đời người là ở đâu?

Càng về cuối tác phẩm nhân vật càng tỏ ra ngộ đạo về kiếp “tụ tán phù sinh”, đồng cảm với triết lí Trang tử “Cuộc đời hư vô mịt mù. Người ta sinh ra ở đời khó lòng tránh khỏi cảnh mây tan, gió cuốn”. Anh ta lấy trình độ của đứa trẻ sơ sinh (xích tử) làm lí tưởng

sống "... thánh hiền đời xưa có câu: "chớ làm sai tấm lòng đũa trẻ sơ sinh"... Đũa trẻ sơ sinh có gì đáng quý? Chẳng qua chỉ vì nó không hiểu, không biết, không tham, không ghét mà thôi. Chúng ta sinh ra đã đắm đuối trong vòng tham, giận, ngậy, yêu, chẳng khác nào bùn lầy, làm thế nào để thoát khỏi cái lưới ấy của cõi trần? Cho hay người xưa tuy đã nói qua bốn chữ "tụ tán phù sinh" nhưng chưa làm ai tỉnh ngộ cả. Đã muốn nói về nhân phẩm thử hỏi ai là kẻ đạt được cái trình độ sơ sinh". Mục đích của Mang Mang đạo sĩ và Diêu Diêu chân nhân cho hòn đá đầu thai xuống hạ giới là để hiểu cõi hồng trần tuy lắm điều hấp dẫn nhưng chỉ là cuộc phồn hoa trong chớp mắt. (Cõi đời là tạm, viên ngọc (Bảo Ngọc) chỉ là một ảo thân của hòn đá (Hòn đá – Thần Anh) trên tiên giới. Đây là mạch vấn đề khác, xin bàn tới dịp sau).

Tào Tuyết Cần tuy cảm thấy cái mong manh của đời người nhưng không vì thế mà cho rằng cuộc sống là vô nghĩa. Các nhân vật trong *Hồng lâu mộng* đều tràn đầy mong muốn. Lòng khao khát được sống kiếp người của hòn đá là một ví dụ. Hòn đá "xuân ngọc" đã thoát vòng tạo hóa, không còn chịu kiếp sinh tử, từ sinh nhưng vẫn cầu xin hai vị thần tiên được đầu thai xuống hạ giới. Khi hòn đá được chứng kiến cảnh Quý phi về thăm nhà phong lưu, phú quý không kể xiết, lại thăm mừng cho thân phận được làm người của mình: "Nhớ lại những ngày ở dưới núi Thanh Ngạnh trong dãy núi Đại Hoang mình sao mà buồn rầu, tịch mịch vậy. Nếu không nhờ nhà sư chốc đầu và đạo sĩ khiêng chân mang đến đây thì

mình làm gì được thấy cái thế giới này". Hòn đá từ khi đổi làm kiếp người cuộc đời mới trở nên ý vị. Mười chín năm đầu thai xuống trần chứng kiến biết bao chuyện tan hợp bi hoan... nhưng không vì thế mà chán ghét cuộc sống.

Cảm giác cuộc đời như mộng, tất cả trở về *không* là kết quả tất yếu của lẽ biến dịch. Nhân sinh như mộng là lời cảm thán của tác giả trước sự vận hành và biến đổi của tự nhiên, xã hội. Triết lí về biến đổi có từ trong *Kinh Dịch*. "Dịch" là một tư tưởng biện chứng. Triết học Nho, Phật, Đạo đều thừa nhận sự biến đổi. *Hồng lâu mộng* đã miêu tả quá trình thịnh suy của phủ Giả nằm trong quy luật: Bĩ cực thái lai, phồn hoa phú quý lên tới tột đỉnh ắt sẽ suy sụp. Tần Thị trước khi chết đã báo mộng cho Phụng Thư về cơ đồ hai phủ Vinh – Ninh, nếu không giữ gìn sẽ đến lúc "Hoa tàn thơm hết, mọi người chia tay". Đây là nhân vật đầu tiên trong *Hồng lâu mộng* thể hiện sự hoài nghi về thế vững chãi đời đời của Vinh, Ninh phủ. Nàng tỏ ra rất thấm thía với lẽ vận hành: trăng tròn rồi khuyết, nước đầy thì tràn. Tần Thị chết rất sớm (hồi 16) nhưng toàn bộ diễn biến của *Hồng lâu mộng* đúng theo dự cảm của nhân vật.

Quá trình thịnh – suy của chế độ phong kiến nhìn bằng con mắt của người trong cuộc đó là sự kết thúc. Nhưng đặt trong tiến trình lịch sử, lại là sự thay đổi tất yếu. Lịch sử không đặt dấu chấm hết, chỉ là sự chấm hết của một hình thái xã hội lỗi thời, một hình thái xã hội tiến bộ hơn sẽ ra đời. Chúng ta có thể phê phán triết lí nhân sinh như mộng của Tào Tuyết Cần là bi quan và yếm thế nhưng

gắn cảm xúc này với hoàn cảnh riêng đầy bế tắc, sẽ hiểu tâm trạng của Tào Tuyết Cần không là vô cơ. Cuộc đời thay quá khốc liệt, Tào Tuyết Cần một mặt chấp nhận sự thật, một mặt không tránh khỏi những cảm khái bi quan. Do đó, dù còn nhiều tiếc nuối, ông vẫn chỉ ra con đường diệt vong không tránh khỏi. Ông đã đi ngược lại “các thiện cảm giai cấp và các thành kiến chính trị của mình” [2]. Lý Hy Phàm khẳng định: “Cho dù Tào Tuyết Cần vẫn có tư tưởng hư vô nhất định, ông đã hát lên bài ca ai điều cho giai cấp mình. Có điều đằng sau tấn bi kịch lớn, không khó nhìn thấy sự đeo đuổi và nguyện vọng nóng bỏng của nhà văn đối với nhân sinh” [2]. Bài ca của vị đạo sĩ khiêng chân, *Hảo liễu ca* của Chân Sĩ Ẩn vang vọng như một điệp khúc minh triết “... muôn việc ở đời “hảo”(tốt) tức là “liễu” (hết), “liễu” tức là “hảo”, nếu không “liễu” thì không “hảo” mà muốn “hảo” thì phải “liễu”. Điều đó càng khẳng định cái nhìn dửng dưng của Tào Tuyết Cần, cũng là tư tưởng vượt thời đại của ông.

Thiên mệnh

Tào Tuyết Cần là một nhà nho, ý thức hệ của ông cơ bản vẫn là Nho gia. Nho gia tin vào thiên mệnh và quan niệm một nhân cách hoàn hảo phải làm sao có thể biết được thiên mệnh: “Không biết mệnh, không phải là người quân tử” (Khổng Tử). Trong mối quan hệ giữa người và trời, trời có vai trò quyết định trong việc định đoạt các số phận. Tuy nhiên học thuyết thiên mệnh được Tào Tuyết Cần thể hiện trong tác phẩm không đơn giản, nó có thể ẩn, hiện; có thể trực

tiếp, gián tiếp... bằng thái độ có lúc đồng thuận, phục tùng nhưng cũng có lúc phủ nhận, phản bác.

Hình ảnh có nghĩa bao trùm, chi phối toàn bộ số phận mười hai cô gái đẹp đất Kim Lăng là những cuốn sổ ở Thái hư ảo cảnh. Số phận của Kim Lăng thập nhị kim thoa được ghi chép, định đoạt ở những cuốn sổ này (hồi 5). Cuộc đời mỗi nhân vật gói gọn trong một lá số tiền định, là những bài thơ đầy ẩn ý, như lời sấm vĩ. Người may mắn đọc được những cuốn sách trời là Bảo Ngọc. Cho dù Bảo Ngọc “tư chất thông minh, tính tình mẫn tuệ”, nhưng hoàn toàn mù mờ về ý nghĩa của từng bài thơ. Đó là thiên cơ không thể tiết lộ, đồng thời cũng là cách viết của Tào Tuyết Cần nhằm tăng sức hấp dẫn, khơi mở những dòng mạch ngầm tiếp tục diễn tiến của tiểu thuyết. Sự vận động cuộc đời các nhân vật dần sáng lên những dự báo thiêng.

Tư tưởng thiên mệnh trong *Hồng lâu mộng* đôi khi được thể hiện trực tiếp, thường vào lúc nhân vật gặp tai họa bất ngờ, khó giải thích. Khi hai chị em Phụng Thư và Bảo Ngọc trúng bùa Mã đạo bà, Giả Chính bất lực, chấp nhận mệnh trời: “Số chúng nó như thế cũng là mệnh trời, sức người không thể cưỡng lại được. Hai cháu mắc bệnh bất ngờ tìm hết cách cứu chữa rồi mà vẫn chưa khỏi tưởng cũng là mệnh trời như thế nên để mặc kệ chúng nó”. Tần Thị trước khi chết cũng tin mệnh mình đã hết: “Người ta chữa được bệnh không chữa được mệnh”. Định mệnh hiện hình trong những sinh hoạt hàng ngày. Trong những lần đánh

toan hay gieo tửu lệnh đều có sự báo ứng của số kiếp.

Mệnh trời còn được biểu hiện qua các điềm báo. Điềm báo trong thiên nhiên, trong hoạt động con người. Cây hải đường phủ Giả nở hoa trái mùa, liền sau đó Bảo Ngọc mất ngọc thiêng, gia đình họ Giả quyết định cưới Bảo Thoa cho Bảo Ngọc, Đại Ngọc chết. Yếu tố điềm báo xuất hiện nhiều theo giấc mộng. Đại Ngọc mơ thấy người ta gọi vợ hai Bảo, điềm báo Bảo Thoa lấy Bảo Ngọc; Giả Mẫu mơ thấy Nguyên phi về nhà thăm, điềm báo Nguyên Phi chết; Bảo Ngọc mơ thấy Tình Văn đến chào để đi, điềm báo Tình Văn chết... Trước khi chết hoặc gặp phải một biến cố lớn lao, các nhân vật thường được báo mộng. Bốn mươi hồi sau, những chi tiết điềm báo xuất hiện nhiều hơn. Từ việc ba chị em câu cá đến việc thưởng trăng rằm ở vườn Hội Phương đều có những dấu hiệu điềm báo. Cùng với chiều hướng cây đổ vườn tan, Ninh – Vinh phủ mỗi lúc một hiu quạnh, hoang tàn và thường xuất hiện những điều quái gở: tiếng quạ kêu, tin đồn vườn Đại Quan có ma...

Hai nhân vật Mang Mang đạo sĩ và Diêu Diêu chân nhân là hai sứ giả nhà trời, luôn theo sát Bảo Ngọc trong suốt quãng đời mười chín năm trần thế. Viên ngọc của Bảo Ngọc là vật nhắc nhở Bảo Ngọc không thể thoát khỏi vòng trời định mệnh. Nhưng những thế lực huyền bí này đã chi phối nhân vật đến đâu? Trong *Truyện Kiều* ý định của trời được phát ngôn qua lời sư Tam Hợp và Đạm Tiên, hai nhân vật đã mách bảo Kiều hành trình con đường số mệnh. Nhưng ở đây anh

chàng Ngọc họ Giả khi biết được cơ trời (hồi 5), anh ta quên gần hết. Viên ngọc là bản mệnh của mình nhưng luôn đòi đập nát và quăng đi. Ở Bảo Ngọc biểu hiện ý chí chống lại số mệnh. Mặc cho dây trời vàng – ngọc, Bảo Ngọc say mê Lâm Đại Ngọc, đã có lần muốn moi hết gan ruột để em Lâm hiểu được tâm tình. Không chỉ Bảo ngọc, Đại Ngọc cũng không tin vào nhân duyên “Một bên ngọc báu một bên khóa vàng”. Viên ngọc là vật dẫn dắt Bảo Ngọc đến mối duyên vàng – ngọc nhưng anh ta khẳng định: “Tôi có trái tim của tôi cần gì đến viên ngọc nữa” mà trái tim ấy lại thuộc về em Lâm rồi. Bảo Ngọc mất ngọc, Đại Ngọc thâm nghĩ hay vì có mình mà mất ngọc, có nghĩa những điều thuộc tiền định, số mệnh đều không đúng. Tình yêu của Bảo Ngọc và Đại Ngọc cũng là sự chống trả lại số mệnh. Cuối cùng Bảo Thoa lấy Bảo Ngọc nhưng cuộc nhân duyên nhanh chóng kết thúc. Bảo Ngọc đi tu, chứng minh cho lòng chung thủy với người yêu bạc mệnh.

Tào Tuyết Cần tỏ ra phục tùng số mệnh nhưng lại không tin vào nó. Đó là hai mặt tưởng như mâu thuẫn nhưng thực ra là thống nhất. Vấn đề thiên mệnh, số phận đôi khi là điểm tựa để tác giả lí giải cuộc đời của từng nhân vật. Nhưng trong mỗi số phận, tư tưởng định mệnh và những biến đổi biện chứng của cuộc sống là hai yếu tố song hành. Tào Tuyết Cần một mặt nói về số phận, mệnh trời một mặt vẫn chỉ ra xu hướng tất yếu của hiện thực. Vì thế, có lúc nhà văn rơi vào mâu thuẫn: “Tác giả tỏ ra bất lực khi đưa ra những mệnh đề triết học khái quát để giải thích cuộc sống đã được miêu tả một

cách xuất sắc” [3] Theo lời Tần Thị, cơ đồ họ Giả nếu không gìn giữ tất đến lúc vinh chán phải nhục. Gánh nặng sinh tồn đặt lên vai Phụng Thư, dù là bậc anh hùng trong đám quần thoa, cũng không thể ngăn cản nổi cơn khủng hoảng trong từng tế bào. Khúc mười ba, *Hào sự chung*, viết:

*Xuân đi hương vẫn còn rơi
Nguyệt hoa gầy vạ suy đồi vì ai
Nhà suy bởi tại Kính rồi
Nhà tan trước hết tội thời tại Ninh
Gây nên oan trái vì tình.*

Từ trong cách miêu tả của nhà văn, độc giả thấy rằng số phận và thiên mệnh không phải là yếu tố chủ đạo chi phối cuộc đời các nhân vật. Số phận bi thương của những người con gái bất hạnh chỉ có thể tìm nguyên nhân từ cuộc sống xã hội, không từ một lí thuyết siêu hình nào. Tào Tuyết Cần chưa thể bứt mình rời bỏ sự phụ thuộc vào thiên mệnh nhưng ông cũng đã xuất phát từ quan điểm hiện thực để lí giải.

Điểm qua một vài khía cạnh của bức tranh hiện thực gắn với một vài nhân vật phụ để hiểu rõ thêm vấn đề này.

(i) *Nhân vật Ô Tiến Hiếu*: (xuất hiện ở hồi 53): Ô Tiến Hiếu là viên quản lí ở Hắc Sơn thôn, hàng năm phải tiến cho nhà họ Giả vô số đồ ăn thức uống quý hiếm. Năm đó mùa màng thất bát vì nạn mưa đá nhưng Ô Tiến Hiếu vẫn mang về phủ Giả hươu to, hươu nhỏ, lợn gà, dê rừng rồi tay gấu, gạo tám, gạo cẩm... tính thành tiền là hai nghìn năm trăm lạng nhưng vẫn bị cha con nhà Giả Trần chê ít. Phủ Ninh hàng năm sống bằng sự cống nạp của hàng chục trại như vậy. Chỉ một

sự kiện đủ thấy sự tồn tại của tầng lớp thống trị phong kiến dựa trên bóc lột tô thuế nặng nề.

(ii) *Nhân vật sư già ở chùa Thiết Hạm*: (xuất hiện ở hồi 105): Sư già nhân cơ hội Phụng Thư đưa đám Tần Thị nghỉ lại chùa đã nhờ Phụng Thư giúp cho nhà họ Trương thoái hôn. Mưu kế của sư già sau này khiến Lý công tử và Trương Kim Kha đều chết. Hình ảnh sư già thống nhất với thái độ của Tào Tuyết Cần đối với tầng ni phật tử nói chung trong *Hồng lâu mộng*. Mặt khác, sự kiện này còn chỉ ra sự tồn tại gia đình họ Giả không chỉ bằng chính sách tô tức, thuế má nặng nề mà còn bằng nguồn thu bất hợp pháp như đút lót, cho vay nặng lãi... Khi bị tịch biên gia sản, người ta tìm thấy trong nhà Phụng Thư hàng thùng văn tự vay nợ, thế chấp với lãi suất cao.

(iii) *Nhân vật Tiều Đại*: (xuất hiện ở hồi 8): Tiều Đại tận tụy phục dịch trong phủ Ninh từ lúc còn trẻ, là một gia nô trung thành và được cất nhắc. Trong không khí hủ bại của Ninh phủ, Tiều Đại phần uất kêu lên: “Ai ngờ bây giờ lại đẻ ra những giống súc sinh này (chỉ Giả Dung)! Hàng ngày “trộm gà bắt chó”, nào là “tiểu thúc” nào là “ba hôi”, loạn luân cả lũ... Thôi đừng đem cánh tay gãy dẫu vào trong ống áo nữa”. Tiều Đại đã công khai vạch trần lối sống hưởng lạc của cha con Giả Xá - nguyên nhân chính đẩy cơ đồ họ Giả xuống vực.

(iv) *Nhân vật già Lưu*: Đối với già Lưu, tác giả dày công xây dựng nhiều hơn so với các nhân vật như Ô Tiến Hiếu, Tiều Đại... Già Lưu đến Vinh phủ ba lần, trở thành chứng nhân chứng kiến cảnh thịnh

suy của phủ Giả. Qua hình ảnh già Lưu, tác giả muốn nói tới sự xa hoa vượt ngoài sức tưởng tượng của họ Giả, cuộc sống cách biệt trời vực giữa tầng lớp nông dân và quý tộc phong kiến.

(v) *Nhân vật Anh Liên*: Anh Liên là con gái Chân Sĩ Ân xuất hiện ngay từ hồi 1. Đó là một cô bé xinh đẹp, trong ngày rằm tháng giêng theo người ở đi xem rước đèn chẳng may bị bọn buôn người bắt cóc. Lớn lên, được gả cho Phùng Uyên, nhưng rồi “gái bạc mệnh, gặp trai bạc mệnh”, Tiết Bàn hãm hại Phùng Uyên, mang Anh Liên bỏ trốn. Anh Liên sau này chính là cô nữ tì Hương Lãng hiền lành mà suốt đời bị Tiết Bàn hành hạ. Hình ảnh Anh Liên là khúc dạo đầu báo hiệu cuộc đời bất hạnh của những thiếu nữ phủ Giả khi ra khỏi “đào viên” Đại quan viên.

(vi) *Nhân vật Chân Bảo Ngọc*: (xuất hiện hồi 115): Trong sự đối sánh với nhân vật Giả Bảo Ngọc, hình tượng Chân Bảo Ngọc có rất nhiều ý nghĩa. Nhân vật trước khi xuất hiện, Giả Bảo Ngọc đã gặp trong mơ. Chân Bảo Ngọc và Giả Bảo Ngọc là hai hình tượng để tác giả gửi gắm quan niệm về *chân* và *giả*. Chân Bảo Ngọc biết Giả Bảo Ngọc là “linh hồn cũ trên hòn đá tam sinh” và tự anh ta thấy mình phải có nghĩa vụ giảng giải cho Giả Bảo Ngọc những lí lẽ ở đời. Lí lẽ của Chân Bảo Ngọc là chuỗi lời của bọn “mọt ăn lộc” mà Giả Bảo Ngọc vốn rất khinh bỉ. Nhân vật Chân Bảo Ngọc xuất hiện một lần nhưng đã góp phần hoàn chỉnh bức tranh nhân sinh. Chúng ta có thể thấy những đường nét cơ bản: chế độ công danh khoa cử; chế độ quan lại, nô

tì... cùng các rường mối xã hội, gia đình đều tiềm tàng nguy cơ đổ vỡ. Tuy nhiên điểm sâu sắc trong tư tưởng Tào Tuyết Cần, ấy là ông cho rằng Chân cũng chính là Giả, Giả cũng chính là Chân. Chân Bảo Ngọc là một hình ảnh, một sự phóng chiếu của Giả Bảo Ngọc (lần đầu tiên Giả Bảo Ngọc “gặp” Chân Bảo Ngọc là trong mơ, khi nằm ngủ đối diện với tấm gương).

Hồng lâu mộng chủ yếu xoay quanh môi trường của Bảo Ngọc và Đại Ngọc nhưng bên cạnh đó tác giả còn đề cập tới rất nhiều những vấn đề xã hội nóng bỏng. Câu chuyện về một gia đình thoát nhìn tưởng yêu thương, sống hòa đồng nhưng thực chất “Người nào người nấy chẳng khác gì gà chọi chỉ chực nuốt sống lẫn nhau”. Những người phụ nữ mặc dù được tác giả dành cho tình cảm ưu ái đặc biệt nhưng số phận cũng không mấy tươi sáng. Hàng loạt những bi kịch: Đại Ngọc không lấy được Bảo Ngọc uất ức mà chết, Nghênh Xuân bị anh chồng vũ phu hành hạ đến chết, Tương Vân lấy phải anh chồng bệnh tật sớm thành góa phụ, Uyên Ương tự tử vì sống không thoát khỏi tay Giả Xá, Lý Hoàn chồng chết sớm đời lạnh lẽo như đông tro tàn... Tích Xuân ngán ngẩm cảnh chợ chiều của phủ Giả, nàng thấy mình bơ vơ và bế tắc, sớm gửi mình vào cửa Phật. Hồi 116, Bảo Ngọc nằm mộng về Thái hư ảo cảnh lần thứ hai, biết rõ cơ trời, càng căm cảnh, xót xa cho thân phận những người phụ nữ phủ Giả. “Bảo Ngọc nhớ đến câu thơ: “Một ngọn đèn xanh cạnh Phật bà” (chỉ Tích Xuân), rồi thở dài luôn mấy tiếng. Chợt lại nhớ đến những chữ: “Một chiếc chiếu, một khóm hoa” rồi đưa mắt nhìn Tập Nhân,

bất giác chảy nước mắt”. Những số phận bi kịch và sự kết thúc bi kịch của *Hồng lâu mộng* là tất yếu.

Trong quan niệm nhân sinh, Tào Tuyết Cần chịu ảnh hưởng của cả ba trường phái triết học Nho, Đạo và Phật. Nhưng ông chỉ chịu ảnh hưởng ở khía cạnh tư tưởng, còn hình thức tôn giáo lại kịch liệt lên án. Đó là việc luyện đan cầu tiên của Giả Kính đưa đến hậu quả Giả Kính chết oan và gia đình suy sụp. Các thầy thuốc cũng phê phán: “Thuật đạo khí của Giả Kính rất hảo huyền, đến cả những việc lễ sao, giữ giờ, uống linh sa, nhiều sự nhảm nhí hư tổn tinh thần, hại cả tính mệnh”. Hình ảnh tên đạo sĩ bán thuốc rong họ Vương càng là một sự đả kích, mỉa mai Đạo giáo. Hẳn khoe thuốc mình chữa được bách bệnh, đến khi bị Bảo Ngọc hỏi: “Có thứ cao nào dán khỏi được bệnh ghen của đàn bà không”, hẳn đành thú nhận: “Thuốc cao của tôi cũng là thuốc giả. Nếu thuốc thật thì tôi đã uống để thành tiên rồi, đời nào lại chịu sống vất vưởng”.

Phê phán Phật giáo, tác giả tập trung miêu tả tăng ni phật tử cùng các chùa chiền, miếu mạo. Đền, chùa trở thành nơi trai trẻ hẹn hò. Tần Chung và tiểu ni Trí Năng ở am Mạn Đầu là một ví dụ. Tinh thần chống Phật giáo biểu hiện rõ ở nhân vật Bảo Ngọc. Anh ta đầy ắp ác cảm với tầng lớp này. Khi có người phụ nữ nào qua đời, Bảo Ngọc thường đứng chặn quan tài ngăn bọn sư hô hám không đứng gần, sợ bản linh hồn chị em. Anh ta còn cho rằng người phụ nữ thiêng liêng hơn cả Phật di đà và Ngọc Đế. Trong con mắt của Bảo Ngọc và Đại Ngọc, các chư

tăng, đạo sĩ đều là bọn “điên đại”, lời nói của họ không thể tin được.

Thấy rõ sự diệt vong tất yếu của giai cấp mình, tâm trạng Tào Tuyết Cần nhìn chung là bế tắc. Cũng như nhân vật Bảo Ngọc, nhà văn tìm tòi trong triết học mong có một lối thoát. Trong thời điểm lịch sử bấy giờ, tác giả không cách nào khác lí giải sự diệt vong của chế độ phong kiến là ngẫu nhiên của vận hành vũ trụ. Một mặt nhà văn vẫn xuất phát từ hiện thực để miêu tả, lí giải những vấn đề xã hội chân thực và xác đáng nhất. *Hồng lâu mộng* đã “phá vỡ tư tưởng và cách viết truyền thống” (Lỗ Tấn). Các nhà nghiên cứu Xô-viết cũng đánh giá rất cao tư tưởng của nhà văn “... Ở đâu Tào Tuyết Cần cũng tỏ ra là một người tiên tiến đứng cao hơn trình độ chung của ý thức hệ thời đại” (Dẫn theo [3]).

Có nhà nghiên cứu cho rằng càng viết về *Hồng lâu mộng* càng cảm thấy hồ đồ. *Hồng lâu mộng* không mang ý nghĩa một chiều. Thế giới *Hồng lâu mộng* được vẽ nên bằng những đường nét tỉ mỉ, vô cùng chân thực nhưng lại có thêm miền Thái hư ảo cảnh, viên đá dưới chân núi Thanh Ngạnh, cõi Đại hoang mịt mù... khiến cho không khí tịch mịch nơi Đại hoang bị tan loãng trong cuộc sống xa hoa phủ Giả về cuối tác phẩm lại cuộn trào lên che khuất những số phận từng tồn tại trên đời:

Chỗ ta ở chừ, đỉnh núi thanh u

Chỗ ta chơi chừ, cõi không mịt mù

Ai đi cùng ta chừ, ta đi theo ai

Mênh mông mịt mù chừ, về nơi Đại

Hoang.

(Xem tiếp trang 32)

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Tào Tuyết Cần, Cao Ngạc (1963), *Hồng lâu mộng* (Vũ Bội Hoàng, Trần Quang dịch), Nxb Văn hóa, Viện Văn học.
2. Ming – Dong Gu (2010), “*Hồng học tâm bệnh: Tiếp cận Hồng lâu mộng từ phân tâm học*” (Nguyễn Đào Nguyên và Trần Hải Yến dịch), *Nghiên cứu Văn học*, (10).
3. Lý Hy Phàm (1959), “*Vị trí của Thủy hử và Kim Bình Mai trong quá trình phát triển của văn học hiện thực chủ nghĩa Trung Quốc*” (Lương Duy Thứ dịch, bản rô-nê-ô), trong sách *Nghiên cứu tiểu thuyết Minh Thanh*, Nxb Văn hóa Nhân dân Bắc Kinh.
4. Nguyễn Khắc Phi (1979), “*Vị trí hồi một trong Hồng lâu mộng*”, *Kỷ yếu Khoa học, Đại học Sư phạm Hà Nội* (bản rô-nê-ô).
5. Lỗ Tấn (1996), *Sơ lược lịch sử tiểu thuyết Trung Quốc*, Nxb Văn hóa, Hà Nội.

(Ngày Tòa soạn nhận được bài: 04-10-2012; ngày phản biện đánh giá: 22-10-2012;
ngày chấp nhận đăng: 04-12-2012)